

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Quang Cảnh	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hòe	Phó Chủ tịch
Ông Jonathan Raymond Carr	Thành viên
Ông Phan Anh Dũng	Thành viên
Ông Trần Vĩnh An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015)
Ông Phan Kế Minh	Thành viên (bổ nhiệm làm thành viên bổ khuyết ngày 08 tháng 5 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Quang Cảnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 636 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hòa Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ trang 3 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Thị Lê Trang
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2383-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		410.952.339.470	309.597.266.518
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.411.700.087	37.440.227.575
1. Tiền	111		13.611.700.087	19.440.227.575
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.800.000.000	18.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		587.600.000	183.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		587.600.000	183.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.122.222.619	92.774.817.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	163.152.430.871	74.189.322.835
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.538.068.901	5.886.634.945
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.540.118.253	12.789.260.596
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(108.395.406)	(90.400.991)
IV. Hàng tồn kho	140	8	208.492.460.730	175.410.908.588
1. Hàng tồn kho	141		219.544.862.942	189.807.017.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.052.402.212)	(14.396.108.661)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.338.356.034	3.788.312.970
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.045.058.054	1.428.017.709
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.515.040.456	1.980.438.057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	778.257.524	379.857.204
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.297.711.847	95.658.536.488
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.142.921.622	19.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.142.921.622	19.000.000
II. Tài sản cố định	220		90.000.618.765	91.074.905.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	48.852.418.932	48.686.907.800
- Nguyên giá	222		79.994.985.737	75.429.947.034
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.142.566.805)	(26.743.039.234)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	41.148.199.833	42.387.997.829
- Nguyên giá	228		47.739.511.051	47.450.611.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.591.311.218)	(5.062.613.222)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.150.609.088	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.150.609.088	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	599.838.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	599.838.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.003.562.372	3.964.792.859
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.632.617.359	930.613.118
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	5.370.945.013	3.034.179.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		519.250.051.317	405.255.803.006

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		228.566.462.167	133.462.364.055
I. Nợ ngắn hạn	310		228.043.089.793	132.528.585.937
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	68.021.084.700	23.304.208.954
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.028.639.508	4.525.074.686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	5.503.011.235	8.894.218.961
4. Phải trả người lao động	314		2.928.735.028	1.787.977.960
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		15.786.950.419	5.321.083.679
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	15.733.176.924	2.810.667.484
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	111.884.178.397	85.885.354.213
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.157.313.582	-
II. Nợ dài hạn	330		523.372.374	933.778.118
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	100.000.000	500.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		423.372.374	433.778.118
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		290.683.589.150	271.793.438.951
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	290.683.589.150	271.793.438.951
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.815.920.000	80.815.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		588.995.000	588.995.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(17.593.668.000)	(17.593.668.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		758.634.703	758.634.703
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.174.814.888	2.174.814.888
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.083.331.138	161.769.500.535
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		169.666.750.223	65.656.753.381
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.416.580.915	96.112.747.154
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	21	32.855.561.421	43.279.241.825
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		519.250.051.317	405.255.803.006


 Trương Nhật Trân
 Người lập biểu


 Phạm Lê Nga
 Kế toán trưởng


 Lê Quang Cảnh
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	513.061.809.624	564.355.777.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	753.390.647	4.485.430.499
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	512.308.418.977	559.870.346.943
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	402.192.192.315	469.125.059.726
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		110.116.226.662	90.745.287.217
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.307.656.882	980.530.557
7. Chi phí tài chính	22	27	7.266.296.392	10.492.045.394
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.028.401.289	9.957.018.670
8. Chi phí bán hàng	25	28	45.182.392.214	30.182.712.086
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	33.466.462.470	31.549.477.104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=(20+(21-22)-(25+26))	30		25.508.732.468	19.501.583.190
11. Thu nhập khác	31	29	4.553.727.375	109.967.154.972
12. Chi phí khác	32	30	948.093.354	206.024.128
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.605.634.021	109.761.130.844
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29.114.366.489	129.262.714.034
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	7.349.741.312	28.236.859.516
16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại (52=15-14)	52	15	(2.336.765.272)	(903.690.216)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		24.101.390.449	101.929.544.734
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		21.416.580.915	96.112.747.154
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	21	2.684.809.534	5.816.797.580
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	32	3.237	13.375



Trương Nhật Trân
Người lập biểu



Phạm Lê Nga
Kế toán trưởng



Lê Quang Cảnh
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	29.114.366.489	129.262.714.034
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.365.800.787	7.223.468.055
Các khoản dự phòng	03	(3.325.712.034)	13.958.416.705
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(82.383.507)	(313.650.593)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.062.203.504)	(425.479.445)
Chi phí lãi vay	06	6.028.401.289	9.957.018.670
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	38.038.269.520	159.662.487.426
(Tăng) các khoản phải thu	09	(89.202.937.955)	(20.293.942.224)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(29.737.845.693)	41.039.458.710
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	67.960.962.318	(26.827.685.074)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(319.044.586)	413.860.514
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.060.549.171)	(11.579.866.145)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.010.687.952)	(21.517.945.241)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.405.744)	(6.551.872.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.342.239.263)	114.344.495.939
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.306.642.011)	(4.145.372.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	283.462.130	-
		599.838.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(404.600.000)	1.365.838.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	778.459.095	324.306.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.049.482.786)	(2.455.228.549)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	32	-	(17.593.668.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	238.284.375.731	314.069.839.785
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(212.685.551.547)	(377.723.365.685)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(3.307.883.250)	(6.615.296.250)
5. Cổ tức đã trả cho các bên cổ đông thiểu số	37	(990.320.000)	(1.980.639.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.300.620.934	(89.843.129.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(18.091.101.115)	22.046.137.740
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.440.227.575	15.347.558.624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	62.573.627	46.531.211
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	19.411.700.087	37.440.227.575



Trương Nhật Trân
Người lập biểu



Phạm Lê Nga
Kế toán trưởng



Lê Quang Cảnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000311 đăng ký ngày 27 tháng 2 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0302224856 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 01 năm 2014.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 39 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa bảo trì các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, các loại máy nông ngư cơ và phụ tùng máy các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 7 năm 2015, Công ty TNHH MTV Long Bình, công ty con của Công ty đã chính thức giải thể. Công ty đã thu hồi giá trị tài sản còn lại của Công ty MTV TNHH Long Bình sau khi giải thể.

Ngày 11 tháng 9 năm 2015, Công ty thành lập thêm một công ty con là Công ty TNHH MTV An Kiên Bình tại xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, Việt Nam. Công ty TNHH MTV An Kiên Bình (gọi tắt là “AKIB”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101800357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 9 năm 2015 với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của AKIB là bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông ngư nghiệp, sửa chữa máy móc, thiết bị, sửa chữa thiết bị điện, các máy móc, thiết bị khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, AKIB chưa đi vào hoạt động và Công ty chưa góp vốn vào AKIB.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại đường số 07, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các công ty con của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình
- Công ty TNHH MTV Gia Bình
- Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình
- Công ty TNHH MTV Tâm Bình
- Công ty TNHH MTV An Khánh Bình
- Công ty TNHH MTV Long Bình Tri Tôn
- Công ty TNHH MTV An Kiên Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài

chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Vì vậy, một số số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay khi Công ty áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tổng Giám đốc đã áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bên cạnh chính sách trích lập dự phòng cho hàng tồn kho nêu trên, Công ty còn tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển với tỷ lệ như bên dưới cho mặt hàng máy phát điện động cơ xăng, với tỷ lệ như sau:

	<u>Tỷ lệ trích lập dự phòng</u>
Từ 6 tháng đến 12 tháng	0% - 5%
Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	5% - 10%
Từ 24 tháng đến dưới 36 tháng	10% - 20%
Từ 36 tháng đến dưới 48 tháng	25% - 30%
Từ 48 tháng đến dưới 60 tháng	35% - 40%
Từ 60 tháng trở lên	35% - 50%

Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng thêm chính sách trích lập dự phòng cho máy phát điện động cơ xăng chậm luân chuyển sẽ phản ánh hợp lý hơn kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	4-10
Thiết bị văn phòng	3-5
Khác	3-10

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán bao gồm chi phí thuê, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc từ hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh



CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	113.832.785	150.322.475
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.497.867.302	19.289.905.100
Các khoản tương đương tiền	5.800.000.000	18.000.000.000
	<u>19.411.700.087</u>	<u>37.440.227.575</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn một đến hai tháng bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng thương mại với lãi suất tiền gửi cố định từ 4%/năm đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công ty TNHH Star Telecom	24.744.870.206	-
- Tổng Công ty Cổ Phần Đầu tư Quốc Tế Viettel	86.130.967.328	23.419.015.664
Các khách hàng khác	52.276.593.337	50.770.307.171
	<u>163.152.430.871</u>	<u>74.189.322.835</u>

Một phần các khoản phải thu của Công ty tương đương 1.000.000 đô la Mỹ được dùng đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình được dùng để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội (xem Thuyết minh số 18).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	571.200.000	583.600.000
- Phải thu người lao động	1.144.938.669	1.833.299.901
- Ký cược, ký quỹ	2.013.389.700	7.601.949.325
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	9.285.357	3.817.658
- Phải thu khác	5.801.304.527	2.766.593.712
Cộng	9.540.118.253	12.789.260.596
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	3.142.921.622	19.000.000
Cộng	3.142.921.622	19.000.000

Khoản ký quỹ thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“ACB”) và Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) để bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng bán hàng cho các dự án.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.682.712.802	6.603.241.902
Nguyên liệu, vật liệu	72.742.532.556	42.613.203.595
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.013.494.837	1.839.644.742
Thành phẩm	63.330.982.010	52.306.131.807
Hàng hóa	75.724.500.737	85.883.373.909
Hàng gửi đi bán	50.640.000	561.421.294
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.052.402.212)	(14.396.108.661)
	208.492.460.730	175.410.908.588

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.343.706.449 đồng (năm 2014: trích lập 13.940.380.255 đồng) do thanh lý hàng chậm luân chuyển trong năm.

Hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Hòa Bình được đem thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem Thuyết minh số 18).

Như trình bày ở Thuyết minh số 18, Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình đã thế chấp một phần hàng tồn kho là động cơ và máy phát điện với số tiền là 40.000.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	2.071.625	53.381.796
Bảo hiểm con người	18.768.213	-
Chi phí chờ phân bổ	1.024.218.216	1.374.635.913
	1.045.058.054	1.428.017.709
a) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	258.670.972	216.658.957
Chi phí chờ phân bổ	1.373.946.387	713.954.161
	1.632.617.359	930.613.118

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế nhập khẩu	238.999.390	3.233.515.188	3.680.935.740	686.419.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.857.814	343.960.117	294.939.885	91.837.582
Cộng	379.857.204	3.577.475.305	3.975.875.625	778.257.524
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.585.910.716	14.900.046.556	17.409.915.931	76.041.341
- Thuế GTGT đầu ra	2.585.910.716	14.900.046.556	17.409.915.931	76.041.341
Thuế nhập khẩu	122.633.661	1.533.999.588	1.656.633.249	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.780.483.439	7.005.781.195	7.666.727.835	5.119.536.799
Các loại thuế khác	437.757.869	2.099.963.192	2.230.287.966	307.433.095
Thuế môn bài	-	2.805.298	2.805.298	-
Thuế thu nhập cá nhân	437.757.869	2.060.296.567	2.190.621.341	307.433.095
Thuế khác	-	36.861.327	36.861.327	-
Các khoản phải nộp khác	(32.566.724)	34.861.327	2.294.603	-
Các khoản phí, lệ phí	(32.566.724)	34.861.327	2.294.603	-
Cộng	8.894.218.961	25.574.651.858	28.965.859.584	5.503.011.235

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	46.612.210.198	13.618.483.911	11.320.732.117	2.147.025.234	1.731.495.574	75.429.947.034
Tăng trong năm	-	3.894.269.380	1.873.747.909	48.983.060	66.280.000	5.883.280.349
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	487.286.000	-	-	-	-	487.286.000
Thanh lý	(304.968.003)	(11.400.000)	(1.441.060.553)	(34.508.181)	(13.590.909)	(1.805.527.646)
Phân loại lại công cụ, dụng cụ	-	(2.106.082.298)	144.210.600	25.789.400	1.936.082.298	-
Tại ngày 31/12/2015	46.794.528.195	15.395.270.993	11.897.630.073	2.187.289.513	3.720.266.963	79.994.985.737

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	10.810.337.858	5.872.881.348	7.857.390.763	1.652.725.983	549.703.282	26.743.039.234
Khấu hao trong năm	2.379.297.433	1.931.742.423	1.198.612.742	133.600.193	193.850.000	5.837.102.791
Thanh lý	(93.412.600)	(11.400.000)	(1.284.663.530)	(34.508.181)	(13.590.909)	(1.437.575.220)
Phân loại lại công cụ, dụng cụ	-	(1.612.119.662)	19.831.000	-	1.592.288.662	-
Tại ngày 31/12/2015	13.096.222.691	6.181.104.109	7.791.170.975	1.751.817.995	2.322.251.035	31.142.566.805

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2015	33.698.305.504	9.214.166.884	4.106.459.098	435.471.518	1.398.015.928	48.852.418.932
Tại ngày 31/12/2014	35.801.872.340	7.745.602.563	3.463.341.354	494.299.251	1.181.792.292	48.686.907.800

Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 20.060.518.388 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 : 21.567.826.388) để đảm bảo các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.516.037.310 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.327.183.700 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Giấy chứng nhận	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	42.555.468.395	4.895.142.656	-	47.450.611.051
Tăng trong năm	-	-	288.900.000	288.900.000
Tại ngày 31/12/2015	42.555.468.395	4.895.142.656	288.900.000	47.739.511.051
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	2.340.150.415	2.722.462.807	-	5.062.613.222
Khấu hao trong năm	485.615.996	1.033.452.000	9.630.000	1.528.697.996
Tại ngày 31/12/2015	2.825.766.411	3.755.914.807	9.630.000	6.591.311.218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	39.729.701.984	1.139.227.849	279.270.000	41.148.199.833
Tại ngày 31/12/2014	40.215.317.980	2.172.679.849	-	42.387.997.829

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và số 19, Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của Công ty tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, tại Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, tại Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng và quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình, một công ty con của Công ty, tại phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 36.689.701.984 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 39.315.869.058 đồng) để đảm bảo cho một số khoản tiền vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 662.056.807 đồng (năm 2014: 662.056.807 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Sửa chữa nhà máy tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình	4.720.370.000	-
- Chi phí xây dựng phòng trưng bày cho Công ty TNHH An Kiên Bình	2.480.239.088	-
- Giá trị quyền sử dụng đất tại Long An	950.000.000	-
	8.150.609.088	-

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Vốn góp tại ngày 31/12/2015
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình	(i) Hồ Chí Minh	78,39	78,39	66.094.435.000
Công ty TNHH MTV Gia Bình	(ii) Đắk Lắk	100	100	1.500.000.000
Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình	(iii) Đà Nẵng	100	100	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tâm Bình	(iv) Hà Nội	100	100	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV An Khánh Bình	(v) Đồng Nai	100	100	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Long Bình Trì Tôn	(vi) An Giang	100	100	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV An Kiên Bình	(vii) Long An	100	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình (gọi tắt là “KBI”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007948 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 9 năm 2007, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 92,4 tỷ đồng. Công ty nắm giữ 7.243.560 cổ phần, chiếm 78,39%, trong đó có 634.117 cổ phần tăng thêm do KBI chia cổ tức bằng cổ phiếu. Hoạt động chính của KBI là sản xuất, lắp ráp, kinh doanh, sửa chữa, bảo trì các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ.
- (ii) Công ty TNHH MTV Gia Bình (gọi tắt là “GBC”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001004008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08 tháng 01 năm 2010, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng. Hoạt động chính của GBC là mua bán và sửa chữa các loại động cơ nổ, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, các loại máy nông ngư cơ.
- (iii) Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình (gọi tắt là “HHBC”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401326665 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 01 năm 2010, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của HHBC là mua bán máy móc, phụ tùng máy móc ngành nông nghiệp, ngành xây dựng, động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ.
- (iv) Công ty TNHH MTV Tâm Bình (gọi tắt là “TBO CO., LTD”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104411678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 02 năm 2010, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của TBO CO., LTD là sửa chữa, buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- (v) Công ty TNHH MTV An Khánh Bình (gọi tắt là “AKBC”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602837778 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01 tháng 6 năm 2012 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của AKBC là bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, sửa chữa máy móc, thiết bị, sửa chữa thiết bị điện, các máy móc, thiết bị khác.
- (vi) Công ty TNHH MTV Long Bình Tri Tôn (gọi tắt là “LBC-TT”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1601819589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 31 tháng 8 năm 2012 với vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của LBC-TT là bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông ngư nghiệp, sửa chữa máy móc, thiết bị, sửa chữa thiết bị điện, các máy móc, thiết bị khác.
- (vii) Công ty TNHH MTV An Kiên Bình (gọi tắt là “AKIB”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101800357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 9 năm 2015 với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của AKIB là bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông ngư nghiệp, sửa chữa máy móc, thiết bị, sửa chữa thiết bị điện, các máy móc, thiết bị khác. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, AKIB chưa đi vào hoạt động và Công ty chưa góp vốn vào AKIB.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Lợi nhuận chưa thực hiện của hàng tồn kho VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	-	2.130.489.525	2.130.489.525
Ghi nhận vào chi phí trong năm	1.166.202.682	(262.512.466)	903.690.216
Tại ngày 31/12/2014	1.166.202.682	1.867.977.059	3.034.179.741
Ghi nhận vào thu nhập trong năm	1.779.683.613	557.081.659	2.336.765.272
Tại ngày 31/12/2015	2.945.886.295	2.425.058.718	5.370.945.013

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
- Công ty TNHH Kubota Việt Nam	55.799.296.518	17.149.207.038
Các nhà cung cấp khác	12.221.788.182	6.155.001.916
	68.021.084.700	23.304.208.954

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	310.555.800	251.873.640
Bảo hiểm xã hội	344.024.884	1.317.830.314
Bảo hiểm thất nghiệp	-	39.941.710
Phải trả về cổ phần hoá	6.747.590	-
Phải trả cho Công ty TNHH Thiên Hòa An	15.071.623.267	702.821.820
Các khoản khác	225.383	498.200.000
	15.733.176.924	2.810.667.484

18. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	111.484.178.397	111.484.178.397	238.284.375.731	212.285.551.547	85.485.354.213	85.485.354.213
- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	30.141.233.120	30.141.233.120	60.968.572.296	35.766.632.326	4.939.293.150	4.939.293.150
- Vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	-	48.646.112.047	97.254.036.001	48.607.923.954	48.607.923.954
- Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương (Việt Nam)	47.178.147.196	47.178.147.196	94.504.893.307	79.264.883.220	31.938.137.109	31.938.137.109
- Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	11.553.837.000	11.553.837.000	11.553.837.000	-	-	-
- Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	22.610.961.081	22.610.961.081	22.610.961.081	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
	111.884.178.397	111.884.178.397	238.684.375.731	212.685.551.547	85.885.354.213	85.885.354.213

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ("HSBC") là khoản vay có hạn mức 2.000.000 Đô la Mỹ, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác và thanh toán trong vòng 180 ngày kể từ ngày rút vốn được cấp chung cho Công ty và Công ty Cổ phần Công Nghiệp Kim Bình, công ty con. Lãi suất được xác định bằng lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng với 2%/năm, cho mục đích mua nguyên vật liệu và hàng hóa. Khoản vay này được đảm bảo bởi các quyền sử dụng đất của Công ty tại Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, các khoản phải thu với trị giá 1.000.000 Đô la Mỹ, hàng tồn kho với trị giá 1.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay từ HSBC được duy trì khi Công ty thỏa mãn các điều kiện: duy trì tài

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

khoản hoạt động chính tại Ngân hàng HSBC, người mua sẽ chuyển trực tiếp tối thiểu 30% doanh thu vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng HSBC, hệ số giữa tổng các khoản nợ vay từ ngân hàng so với giá trị tài sản hữu hình ròng tại bất cứ thời điểm nào không vượt quá 1,5:1.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có hạn mức là 50.000.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình, một công ty con của Công ty, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác và thanh toán trong vòng 180 ngày kể từ ngày rút vốn. Lãi vay được quy định cụ thể trong mỗi kế ước nhận nợ và được trả hàng tháng theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và vật kiến trúc tọa lạc tại Lô 16, Đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội với hạn mức 18.000.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình, một công ty con của Công ty, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác và thanh toán trong vòng 360 ngày kể từ ngày rút vốn. Lãi vay được quy định cụ thể trong mỗi kế ước nhận nợ và được trả hàng tháng theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền thu từ hợp đồng bán hàng.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là khoản vay có hạn mức 40.000.000.000 đồng cho Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình, công ty con, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc bất kỳ loại tiền tệ nào khác và thanh toán trong vòng 11 tháng kể từ ngày rút vốn đối với mục đích giải ngân tài trợ cho các hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị và không quá 6 tháng đối với mục đích khác. Lãi suất cụ thể đối với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận trong từng kế ước nhận nợ, nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty cho việc mua nguyên vật liệu và hàng hóa. Khoản vay này được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất của Công ty tại Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình tương đương 40.000.000.000 đồng. Ngoài ra khoản vay này còn được bảo lãnh bởi Ông Lê Quang Cảnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty, Ông Phan Kế Minh thành viên Hội đồng Quản trị đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình.

19. VAY DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100,000,000	100,000,000	-	400,000,000	500,000,000	500,000,000
	100,000,000	100,000,000	-	400,000,000	500,000,000	500,000,000

Vay dài hạn là khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu có hạn mức là 2.075.000.000 đồng để đầu tư tài sản cố định và mua nguyên vật liệu, với lịch hoàn trả hàng quý và sẽ đáo hạn vào ngày 01 tháng 3 năm 2017. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với lãi suất được thông báo bởi ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là lô đất của Công ty Cổ phần Hòa Bình tại Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	400,000,000	400,000,000
Trong năm thứ hai	100,000,000	400,000,000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	100,000,000
	500,000,000	900,000,000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(400,000,000)	(400,000,000)
Số phải trả sau 12 tháng	100,000,000	500,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 80.815.920.000 đồng. Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần được phép phát hành (cổ phần)	8.081.592	8.081.592
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ (cổ phần)	8.081.592	8.081.592
Cổ phiếu quỹ	1.466.139	1.466.139
Mệnh giá (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01.04/2014/HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2014, Công ty đã mua lại 1.466.139 cổ phiếu quỹ với tổng giá mua cổ phiếu quỹ là 17.593.668.000 đồng. Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông cùng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Tại ngày 31/12/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	Cổ phần	Tỷ lệ %	Vốn đã góp VND	Cổ phần	Tỷ lệ %	Vốn đã góp VND
Ông Lê Quang Cảnh	1.488.842	18,42	14.888.420.000	1.488.842	18,42	14.888.420.000
Ông Phan Kế Minh	1.000.076	12,37	10.000.760.000	1.000.076	12,37	10.000.760.000
Ông Phan Anh Dũng	973.021	12,04	9.730.210.000	973.021	12,04	9.730.210.000
Bà Hoàng Thị Ngọc Xuân	409.469	5,07	4.094.690.000	409.469	5,07	4.094.690.000
Công ty Cổ phần Hòa Bình (Cổ phiếu quỹ)	1.466.139	18,14	14.661.390.000	1.466.139	18,14	14.661.390.000
Các cổ đông khác	2.744.045	33,96	27.440.450.000	2.744.045	33,96	27.440.450.000
	8.081.592	100	80.815.920.000	8.081.592	100	80.815.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Có phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	80.815.920.000	588.995.000	-	717.905.341	40.729.362	2.174.814.888	74.029.896.248	158.368.260.839
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	96.112.747.154	96.112.747.154
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(17.593.668.000)	-	-	-	-	(17.593.668.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.615.296.250)	(6.615.296.250)
Thù lao Hội đồng	-	-	-	-	-	-	-	-
Quản trị	-	-	-	-	-	-	(1.757.846.617)	(1.757.846.617)
Tại ngày 31/12/2014	80.815.920.000	588.995.000	(17.593.668.000)	717.905.341	40.729.362	2.174.814.888	161.769.500.535	228.514.197.126
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	(717.905.341)	717.905.341	-	-	-
Tại ngày 01/01/2015 (sau phân loại lại)	80.815.920.000	588.995.000	(17.593.668.000)	-	758.634.703	2.174.814.888	161.769.500.535	228.514.197.126
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	21.416.580.915	21.416.580.915
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.307.883.250)	(3.307.883.250)
Thù lao Hội đồng	-	-	-	-	-	-	-	-
Quản trị	-	-	-	-	-	-	(910.785.426)	(910.785.426)
Hoàn nhập thù lao Hội đồng	-	-	-	-	-	-	-	-
Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2014	-	-	-	-	-	-	83.363.000	83.363.000
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-	12.032.555.364	12.032.555.364
Tại ngày 31/12/2015	80.815.920.000	588.995.000	(17.593.668.000)	-	758.634.703	2.174.814.888	191.083.331.138	257.828.027.729

Theo Nghị quyết số 01/NQ - DHDCTN 2015/HBC ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015, mức cổ tức năm 2014 là 15% vốn điều lệ lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014. Năm 2014, Công ty đã chi tạm ứng 10% và năm 2015 Công ty tiếp tục chi trả thêm 5% còn lại từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014.

Trong năm 2015, Công ty đã chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 910.785.426 đồng (2014: 1.757.846.617 đồng).

(*) Tăng khác thể hiện khoản tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ Lợi ích cổ đông thiểu số tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình do Công ty mua thêm 5.024.200 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình và tăng tỷ lệ sở hữu thành 78,39% (tại 31 tháng 12 năm 2014: 52,84%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình. Tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định như sau:

	Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vốn điều lệ	92.400.000.000	42.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Vốn phân bổ cho Công ty	72.435.605.000	22.193.605.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	19.964.395.000	19.806.395.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21,61%	47,16%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	328.234.897.623	218.234.728.384
Tổng nợ phải trả	166.237.745.348	126.459.917.438
Tài sản thuần	161.997.152.275	91.774.810.946
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.400.000.000	42.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	10.080.000.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	59.517.152.275	49.774.810.946
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	32.855.561.421	43.279.241.825
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.964.395.000	19.806.395.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.600.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	12.859.566.421	23.472.846.825

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm	12.425.941.330	12.334.677.682
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	2.684.809.534	5.816.797.580

Biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	43.279.241.825	39.716.600.628
Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.684.809.534	5.816.797.580
Góp vốn trong năm	158.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	31.600.000	-
Cổ tức thực nhận	(990.320.000)	(1.980.639.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	(275.214.574)	(273.516.883)
Điều chỉnh khác (xem Thuyết minh 20)	(12.032.555.364)	-
Tại ngày 31 tháng 12	32.855.561.421	43.279.241.825

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. BÁO CÁO BỘ PHẬN***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại động cơ và máy nổ.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hàng hóa	331.208.132.527	349.246.990.578
Doanh thu từ thành phẩm	180.400.950.306	213.206.860.410
Doanh thu dịch vụ	1.452.726.791	1.901.926.454
	513.061.809.624	564.355.777.442
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	753.390.647	4.485.430.499
	512.308.418.977	559.870.346.943

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	271.042.723.654	289.575.967.592
Giá vốn bán thành phẩm	130.646.405.171	182.525.551.599
Giá vốn dịch vụ	261.392.727	3.120.000
Giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho	241.670.763	(2.979.579.465)
	402.192.192.315	469.125.059.726

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.340.017.241	132.691.787.953
Chi phí nhân công	40.109.764.867	37.715.520.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.376.533.406	7.223.468.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.041.212.234	11.445.126.657
Chi phí khác bằng tiền	26.737.691.992	14.541.893.012
	182.605.219.740	203.617.795.864

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	778.741.374	425.479.445
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	528.915.508	555.051.112
	1.307.656.882	980.530.557

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.028.401.289	9.957.018.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	877.895.103	59.832.351
Chi phí tài chính khác	360.000.000	475.194.373
	7.266.296.392	10.492.045.394

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí lương	18.225.442.381	18.227.175.001
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.241.020.089	13.322.302.103
	33.466.462.470	31.549.477.104
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí lương	10.188.266.476	10.710.624.399
- Chi phí triển khai hợp đồng	10.333.604.415	2.936.587.064
- Chi phí hoa hồng, ủy thác, môi giới	287.652.842	155.923.555
- Chi phí thuê ngoài khác	7.973.085.425	2.436.289.384
Các khoản chi phí bán hàng khác	16.399.783.056	13.943.287.684
	45.182.392.214	30.182.712.086

29. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	283.462.130	-
Khoản bồi thường từ Công ty Honda Motor	-	105.610.000.000
Tiền phạt thu được	211.390.533	-
Các khoản khác	4.058.874.712	4.357.154.972
	4.553.727.375	109.967.154.972

30. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt	800.332.833	117.203.802
Các khoản khác	147.760.521	88.820.326
	948.093.354	206.024.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	29.114.366.489	129.262.714.034
Điều chỉnh cho:		
Chi phí trích trước năm trước thực hiện năm nay	(1.180.700.000)	(74.547.343)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện - Tiền	(62.573.626)	(46.531.211)
Thu nhập không chịu thuế	(4.606.342.100)	(2.984.428.920)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	18.044.214.085	13.503.898.484
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	(10.405.744)	-
Các điều chỉnh báo cáo hợp nhất	6.293.866.889	3.167.703.716
Lỗ tính thuế của các công ty con	835.532.681	1.475.042.752
Lỗ kỳ trước mang sang	-	(239.297.274)
Thu nhập chịu thuế	48.427.958.674	144.064.554.238
Thu nhập được miễn thuế (*)	2.300.163.154	467.215.749
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 7,5% (**)	19.299.128.978	23.134.861.732
Thu nhập chịu thuế với thuế suất thông thường	26.828.666.542	120.462.476.757
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.349.741.312	28.236.859.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ các năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	7.349.741.312	28.236.859.516

(*) Theo Nghị định số 218/2012/NĐ-CP ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2012, thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Công ty con – Công ty TNHH MTV Long Bình Trì Tôn thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định 218.

(**) Đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp, Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2009) và được giảm 50% trong bảy năm tiếp theo. Các thu nhập chịu thuế khác liên quan đến thu lãi tiền gửi, thanh lý tài sản cố định và các hoạt động ngoài sản xuất, lắp ráp chịu thuế suất 22% (năm 2014: 22%) theo các quy định về thuế hiện hành.

Công ty và các công ty con khác có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2014: 22%) tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Gia Bình, Công ty TNHH MTV Long Bình và Công ty TNHH MTV An Khánh Bình có tổng các khoản lỗ tính thuế là 6.873,648.207 đồng (năm 2014: 6.336.042.745 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai của các công ty con. Các khoản lỗ tính thuế có thể mang sang tối đa trong vòng năm năm kể từ khi phát sinh và sẽ hết hạn chuyển lỗ vào năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (đồng)	21.416.580.915	96.112.747.154
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	21.416.580.915	96.112.747.154
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	6.615.453	7.185.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.237	13.375

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	2.419.454.542	2.366.727.273

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	2.071.500.000	2.366.727.273
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	2.224.774.595
	2.071.500.000	4.591.501.868

Thuê hoạt động thể hiện khoản Công ty thuê 3.500 m² nhà xưởng của Công ty TNHH Xe và Máy F.M.C, thuê kho và thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Gia Bình. Hợp đồng thuê nhà xưởng có thời hạn 3 năm từ ngày 08 tháng 12 năm 2013 đến ngày 07 tháng 12 năm 2016 với giá tiền thuê mỗi tháng đã bao gồm VAT là 59.000 VND/m². Thời hạn của hợp đồng thuê văn phòng là 3 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 01 tháng 01 năm 2016.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi ích cổ đông không kiểm soát).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	111.984.178.397	86.385.354.213
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(19.411.700.087)	(37.440.227.575)
Nợ thuần	92.572.478.310	48.945.126.638
Vốn chủ sở hữu	<u>290.683.589.150</u>	<u>271.793.438.951</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0.32</u>	<u>0.18</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.411.700.087	37.440.227.575
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	587.600.000	183.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.001.651.314	85.073.882.539
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	599.838.000
Tổng cộng	<u>194.000.951.401</u>	<u>123.296.948.114</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	111.984.178.397	86.385.354.213
Phải trả người bán và phải trả khác	83.213.040.912	25.676.458.994
Chi phí phải trả	15.786.950.419	5.321.083.679
Tổng cộng	<u>210.984.169.728</u>	<u>117.382.896.886</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Euro (EUR)	27.275.834.229	462.931.884	5.232.391.572	1.618.957.368
Đô la Mỹ (USD)	7.720.446	1.392.753.663	918.431.389	116.506.472
Yên Nhật Bản (JPY)	4.204.887	1.864.919.941	-	1.502.199.000

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro và Yên Nhật Bản.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(45.535.547)	63.812.360
Yên Nhật Bản (JPY)	210.244	18.136.047
Euro (EUR)	1.102.172.133	(57.801.274)
	1.056.846.830	24.147.133

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản (2%/năm) thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 2.239.683.568 đồng (năm 2014: 1.727.707.084 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tăng/(giảm)	Ảnh hưởng đến lợi
điểm số cơ bản	nhuận trước thuế

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	200	2.239.683.568
VND	(200)	(2.239.683.568)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	200	1.727.707.084
VND	(200)	(1.727.707.084)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, trên cơ sở đánh giá và phân tích hai chỉ tiêu tài chính liên quan đến chỉ số thanh khoản của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Tỷ số thanh toán hiện thời	1,80	2,34
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	<u>0,44</u>	<u>0,33</u>

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản thu nhập khác	1.971.411.600	2.509.386.000
Phí bảo lãnh ngân hàng	1.126.980.000	1.126.980.000
	<u>3.098.391.600</u>	<u>3.636.366.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 Đường số 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại nhằm mục đích để phù hợp với việc so sánh với số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	Theo QD 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	183.000.000	1. Chứng khoán kinh doanh	121	- Trình bày lại và đổi tên
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	183.000.000 Trình bày lại và đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	74.189.322.835	3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	74.189.322.835 Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	3.350.193.712	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	12.789.260.596 Trình bày lại và đổi tên
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(90.400.991)	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(90.400.991) Đổi mã số
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9.439.066.884	6. Tài sản ngắn hạn khác	155	- Trình bày lại
6. Tài sản dài hạn khác	268	19.000.000	7. Phải thu dài hạn khác	216	19.000.000 Trình bày lại và đổi tên
7. Đầu tư dài hạn khác	258	599.838.000	8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	599.838.000 Đổi mã số và đổi tên
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	23.304.208.954	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23.304.208.954 Đổi tên
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.894.218.961	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8.894.218.961 Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	5.321.083.679	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.321.083.679 Đổi tên
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	2.810.667.484	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.810.667.484 Đổi tên
5. Vay và nợ dài hạn	334	500.000.000	5. Vay dài hạn	338	500.000.000 Đổi tên
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	433.778.118	6. Dự phòng phải trả dài hạn	342	433.778.118 Đổi tên
7. Vốn điều lệ	411	80.815.920.000	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	80.815.920.000 Đổi tên
8. Vốn khác của chủ sở hữu	413	2.174.814.888	8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	2.174.814.888 Đổi tên
9. Cổ phiếu quỹ	414	(17.593.668.000)	9. Cổ phiếu quỹ	415	(17.593.668.000) Đổi tên
10. Quỹ đầu tư phát triển	417	40.729.362	10. Quỹ đầu tư phát triển	418	758.634.703 Trình bày lại
11. Quỹ dự phòng tài chính	418	717.905.341	<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	161.769.500.535	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	161.769.500.535 Đổi tên và đổi mã số
13. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	43.279.241.825	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	43.279.241.825 Trình bày lại và đổi tên

Handwritten signature

Trương Nhật Trần
Người lập biểu

Handwritten signature

Phạm Lê Nga
Kế toán trưởng



Lê Quang Cảnh
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750
www.deloitte.com/vn

www.deloitte.com/vn